

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;*

*Xét Tờ trình số 834/TTr-TTHĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 850/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này, Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách ở Thành phố Hồ Chí Minh, cấp huyện (thành phố Thủ Đức và 5 huyện), cấp xã (các xã, thị trấn).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

**Điều 3.** Các khoản chi và nguồn kinh phí thực hiện

1. Các khoản chi của từng cấp Hội đồng nhân dân do ngân sách cùng cấp đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của từng cấp Hội đồng nhân dân.

2. Các khoản chi không nêu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí cấp đó; trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng hoạt động phí hàng tháng ở cấp cao nhất và hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung mức chi: trang phục (lễ phục), chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ tài liệu.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX.

2. Tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, trong thời gian từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về chế độ, định mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã
<b>I</b>	<b>Chế độ tiền lương</b>				
	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội <b>được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ</b>	Mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,12	0,10
	- Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách).	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,4	0,3
<b>II</b>	<b>Chi cho công tác thẩm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân</b>				
1	Xây dựng các báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân				

1.1	Nội dung có độ phức tạp liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội.				
1.1.1	Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra	đồng/báo cáo	3.000.000	1.800.000	1.000.000
1.1.2	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chi soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000	700.000
1.2	Thẩm tra các nội dung còn lại				
1.2.1	Đối với cơ quan chủ trì	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000	700.000
1.2.2	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chi soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000
2	Tổ chức các cuộc họp thẩm tra, góp ý báo cáo thẩm tra				
2.1	Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu	đồng/người/ nội dung thẩm tra	400.000	250.000	150.000
2.2	Người chủ trì	đồng/người/ buổi	200.000	120.000	70.000
2.3	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000
2.4	Cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000
3	Chi cho chuyên gia viết bài tham luận, góp ý phục vụ công tác thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết (bằng văn bản)				
3.1	Nội dung có độ phức tạp cao, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực: cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội	đồng/người/ văn bản góp ý	800.000	500.000	300.000
3.2	Các nội dung còn lại	đồng/người/ văn bản góp ý	400.000	250.000	150.000
4	Chi cho việc viết báo cáo tổng hợp ý kiến	đồng/người/ văn bản	800.000	500.000	300.000

	thảo luận của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân				
5	Chi cho công việc theo dõi, tập hợp, tổng hợp và phân loại ý kiến kết luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	400.000	250.000	150.000
6	Chi cho công việc hoàn thiện báo cáo, đề án, nghị quyết	đồng/văn bản	1.500.000	900.000	550.000
7	Chi cho công tác xây dựng Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm trình HĐND				
7.1	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Thường trực HĐND.	đồng/văn bản	2.000.000	1.200.000	700.000
7.2	Chi xây dựng báo cáo định kỳ, tờ trình của Thường trực HĐND trình HĐND.	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000
<b>III</b>	<b>Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật của Quốc hội; các đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân (đối với nội dung cần xin ý kiến do Thường trực HĐND quyết định)</b>				
1	Chi cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu góp ý				
1.1	Dự án luật mới				
1.1.1	Chi đối với tổ chức, chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000
1.1.2	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000
1.2	Dự án luật sửa đổi, bổ sung				
1.2.1	Chi đối với tổ chức,	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000

	chuyên gia		0		
1.2.2	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/ lần	300.000	180.000	100.000
1.3	Đề án, kế hoạch, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
1.3.1	Chi đối với chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.00 0	600.000	350.000
1.3.2	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/văn bản)	đồng/người/ lần	300.000	180.000	100.000
2	Tổ chức họp góp ý kiến				
2.1	Viết bài tham luận	đồng/người/ bài	500.000	300.000	180.000
2.2	Người chủ trì	đồng/người/ buổi	200.000	120.000	70.000
2.3	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	40.000
2.4	Cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	80.000	50.000	30.000
2.5	Cán bộ phục vụ gián tiếp	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000
3	Viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án luật; góp ý đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	đồng/báo cáo	800.000	500.000	300.000
<b>IV</b>	<b>Chi cho công tác giám sát, khảo sát</b>				
1	Đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân				
1.1	Chi xây dựng các văn bản				

1.1.1	Xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát xây dựng nội dung kế hoạch giám sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000	100.000
1.1.2	Xây dựng đề cương giám sát	đồng/văn bản/đợt	1.000.000	600.000	350.000
1.1.3	Xây dựng báo cáo tổng hợp, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000
1.2	Chi tổ chức cuộc họp				
1.2.1	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	200.000	120.000	70.000
1.2.2	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000
1.2.3	Chi cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
1.2.4	Chi cán bộ phục vụ gián tiếp (lái xe, tạp vụ...)	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
2	Đoàn giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu				
2.1	Chi xây dựng các văn bản				
2.1.1	Xây dựng quyết định, kế hoạch thực hiện giám sát khảo sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000	100.000
2.1.2	Chi bồi dưỡng xây dựng báo cáo, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000
2.2	Chi tổ chức cuộc họp				
2.2.1	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000
2.2.2	Thành viên chính thức đoàn giám sát, khảo	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000



	sát, khách mời				
2.2.3	Chi cán bộ phục vụ trực tiếp đoàn khảo sát, giám sát	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
2.2.4	Chi cán bộ phục vụ gián tiếp (lái xe, tạp vụ...)	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
3	Hỗ trợ tiền ăn trưa khi thực hiện giám sát tại các huyện của thành phố.	đồng/người	50.000		
4	Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố				
4.1	Chi cho việc xây dựng văn bản				
4.1.1	Xây dựng kế hoạch chi tiết phiên giải trình	đồng/kế hoạch	200.000	120.000	70.000
4.1.2	Xây dựng báo cáo tổng hợp Kết quả giải trình	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000
4.2	Chi phiên họp				
4.2.1	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000
4.2.2	Đại biểu Hội đồng nhân dân phố và khách mời	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000
4.2.3	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp phiên họp	đồng/người/buổi	80.000	50.000	30.000
4.2.4	Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ gián tiếp phiên họp	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
5	Chi cho hoạt động chất vấn tại kỳ họp				
5.1	- Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000
5.2	- Xây dựng Nghị quyết	đồng/Nghị	2.000.000	1.200.000	700.000

	về chất vấn	quyết	0		
<b>V</b>	<b>Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân</b>				
1	Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp				
1.1	Chi hỗ trợ để tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân nhằm trang trải cho những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.				
1.1.1	- Quận, huyện và phường, xã, thị trấn có 1 đơn vị	đồng/quận, huyện, phường, xã, thị trấn/năm	6.000.000	3.600.000	2.000.000
1.1.2	- Quận, huyện và phường, xã, thị trấn có 2 đơn vị	đồng/quận, huyện, phường, xã, thị trấn/năm	12.000.000	7.200.000	
1.2	Chi bồi dưỡng				
1.2.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	4.500.000	2.700.000	1.600.000
1.2.2	Cán bộ, công chức tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/người/đợt	200.000	120.000	70.000
1.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo/đợt	500.000	300.000	180.000
1.4	Chi báo cáo của Ủy ban nhân dân về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000
2	Tổ chức tiếp xúc cử tri chuyên đề, theo ngành, giới của Thường trực HĐND				
2.1	Chi hỗ trợ các đơn vị phối hợp thực hiện nhằm trang trải cho	đồng/cuộc	5.000.000	3.000.000	1.750.000

	những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.				
2.2	Chi dự họp				
2.2.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự	đồng/cuộc	100.000	60.000	35.000
2.2.2	Cán bộ, công chức và người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/cuộc	50.000	30.000	20.000
2.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến tiếp xúc cử tri	Đồng/Báo cáo	300.000	180.000	100.000
<b>VI</b>	<b>Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân</b>				
1	Chi tiếp công dân				
1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000
1.2	Đại diện lãnh đạo cơ quan được phân công tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000
1.3	Cán bộ, công chức tham mưu, phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
2	Tổ đại biểu báo cáo tình hình và kết quả tiếp công dân	đồng/báo cáo	200.000	120.000	70.000
<b>VII</b>	<b>Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân, các hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức</b>				
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân				
1.1	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000	120.000	70.000
1.2	Thư ký kỳ họp	đồng/người/ngày	150.000	90.000	55.000
1.3	Chuyên viên tổng hợp ý kiến thảo luận tổ	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000

1.4	Chi tiền nước uống phục vụ kỳ họp	đồng/người/ ngày	70.000	30.000	30.000
1.5	Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp (kể cả họp thường kỳ, bất thường, chuyên đề).	đồng/người/ ngày	100.000	60.000	35.000
1.6	Chi hỗ trợ cho lái xe của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bộ phận phục vụ gián tiếp cho kỳ họp.	đồng/người/ ngày	50.000	30.000	20.000
1.7	Các khoản chi khác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời và cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố (chế độ giải khát tại kỳ họp, chế độ nghỉ trưa, chế độ làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ và các chế độ khác): Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hàng năm nhưng không vượt quá mức chi phục vụ kỳ họp Quốc hội hàng năm			Không áp dụng	Không áp dụng
2	Chi cho Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh khu vực miền Đông Nam Bộ do thành phố đăng cai tổ chức				
2.1	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu khách mời; chế độ phòng nghỉ theo quy định chế độ hiện hành.	đồng/người/ ngày	150.000	Không áp dụng	Không áp dụng
2.2	Chi cho cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ hội nghị.	đồng/người/ ngày	100.000	Không áp dụng	Không áp dụng
2.3	Các khoản chi khác phục vụ hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định				
3	Chi tổ chức Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, họp Thường trực HĐND - UBND - UB.MTTQ, họp Thường trực HĐND, hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, các huyện và xã, thị trấn họp các Ban của				

HĐND.					
3.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời.	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000
3.2	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài.	đồng/người/ngày	50.000	30.000	20.000
4	Chi cho hội nghị chuyên đề của Hội đồng nhân dân				
4.1	Chủ tọa hội nghị	đồng/người/ngày	200.000	120.000	70.000
4.2	Thư ký hội nghị	đồng/người/ngày	150.000	90.000	55.000
4.3	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời	đồng/người/ngày	100.000	60.000	35.000
4.4	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ	đồng/người/ngày	50.000	30.000	20.000
4.5	Các báo cáo tham luận của chuyên gia (nếu có) bằng văn bản	đồng/bài.	500.000	300.000	200.000
<b>VIII</b>	<b>Chi cho công tác xã hội</b>				
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau				
1.1	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm				
1.1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/năm). Cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố được hưởng các chế độ thăm hỏi ốm đau, thăm viếng, trợ cấp khó khăn đột xuất.	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000
1.1.2	Khi bị bệnh hiểm nghèo có thể chi tối đa đồng/trường hợp và	đồng/trường hợp	5.000.000	3.000.000	1.800.000

	các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định (không quá 2 lần/người/năm)				
1.2	Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực, Trưởng, phó Ban chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố, Chánh, Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố, lãnh đạo các Sở, ban-ngành và tương đương đã nghỉ hưu (không quá 02 lần/năm): vòng hoa, trái cây thanh toán theo thực tế và chi hỗ trợ.	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000
1.3	Khi bị bệnh hiểm nghèo và các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.	đồng/trường hợp	Tối đa 5.000.000	Tối đa 3.000.000	Tối đa 1.800.000
2	Chi thăm viếng				
2.1	Chi phúng viếng	đồng/trường hợp			
2.1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm từ trần được phúng viếng và hỗ trợ mai táng phí	đồng/trường hợp	2.000.000	1.200.000	700.000
2.1.2	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng); con đẻ, con nuôi hợp pháp của đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần.	đồng/trường hợp	2.000.000	1.200.000	700.000
2.1.3	Đối với các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu chuyên trách của Hội đồng nhân dân	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000

2.1.4	Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ Điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước.	đồng/đại biểu	10 lần mức lương cơ sở		
2.2	Hoa viếng thực hiện cho các đối tượng theo mục 2.1.		Thanh toán theo thực tế		
3	Ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo qui định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm theo mức khoán. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi năm.	đồng/người/ năm	4.000.000	4.000.000	4.000.000
4	Chế độ thăm hỏi, ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 5 huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đương nhiệm, nghỉ hưu được áp dụng như đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp. Riêng trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn thì tùy theo hoàn cảnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức trợ cấp nhưng không vượt quá 5.000.000 đồng/người.				
<b>IX</b>	<b>Chế độ chi may trang phục (lễ phục)</b>				
1	- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may trang phục	đồng/người /lần	5.000.000	5.000.000	5.000.000

	(lễ phục) hai lần.				
2	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố được cấp tiền may trang phục (lễ phục) một lần trong nhiệm kỳ.	đồng/người/ lần	5.000.000	Không áp dụng	Không áp dụng
<b>X</b>	<b>Chế độ khác</b>				
1	Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được trang cấp một thiết bị công nghệ thông tin (máy tính xách tay hoặc máy tính bảng) phục vụ nhu cầu công việc của đại biểu và không thu hồi thiết bị sau khi kết thúc nhiệm kỳ. Việc mua sắm thiết bị phải theo giá thị trường và đảm bảo thực hiện đúng quy định về đấu thầu.	01 thiết bị/người/lần	(chỉ áp dụng ở cấp Thành phố)		
2	Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân tích cực hoạt động trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân; đối tượng khen thưởng do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị vào cuối nhiệm kỳ, mức chi theo quy định hiện hành.		Thực hiện theo quy định về thi đua khen thưởng hiện hành		
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ Bảo hiểm xã hội		Thanh toán theo thực tế		



	được hưởng chế độ Bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật về Bảo hiểm y tế. Hội đồng nhân dân nơi đại biểu đang sinh hoạt có trách nhiệm chi trả kinh phí bảo hiểm y tế.				
4	Chế độ chi tổ chức các hội nghị của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân				
	Chủ trì hội nghị	đồng/người/ buổi	200.000	120.000	70.000
	Bồi dưỡng đại biểu, khách mời	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000
	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000
5	Chi thực hiện Chương trình Lắng nghe và trao đổi của Hội đồng nhân dân thành phố				
5.1	Chi hỗ trợ cho cử tri tham dự khi tổ chức chương trình tại Đài truyền hình thành phố: + Ngày Tổng dợt + Ngày Chính thức	đồng/người /buổi	50.000 100.000		
5.2	Chi hỗ trợ để tổ chức chương trình tại cơ sở				
	Chi hỗ trợ cho cơ sở bố trí địa điểm thực hiện (trang trí, nước uống và phục vụ...):	Đồng/chương trình	10.000.000		
	- Chi hỗ trợ cho đại biểu HĐND, khách mời tham dự, cử tri, cán bộ công chức phục vụ:	đồng/người /buổi	50.000 100.000		

	+ Ngày Tổng dợt + Ngày Chính thức				
6	Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ Đại biểu				
	Tổ đại biểu có 1 đơn vị	đồng/Tổ/quý	2.000.000	1.200.000	
	Tổ đại biểu có 2 đơn vị	đồng/Tổ/quý	4.000.000	2.400.000	
7	Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp tài liệu:				
7.1	Công báo, báo Nhân dân, phí khai thác internet theo mức khoán	đồng/người/tháng	700.000	400.000	250.000
7.2	Báo Đại biểu nhân dân được chuyển trực tiếp đến từng đại biểu Hội đồng nhân dân	Thanh toán theo thực tế			
8	Chi xây dựng kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân và tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ.	đồng/người	Thường trực HĐND quyết định	Không quá 1.000.000	Không quá 500.000
9	Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định (chỉ áp dụng cấp Thành phố)				
10	Chi cho chuyên gia được mời làm cộng tác viên, do Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu, tùy theo nội dung, chất lượng và tính cấp thiết của chuyên đề (chuyên đề không phức tạp, chuyên đề lớn, chuyên đề phức tạp). Mức chi cụ thể sẽ do Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.	đồng/ chuyên gia/ chuyên đề	2.000.000 0	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Chi trao đổi học tập	Ngoài tiền thuê phòng		Áp dụng theo Thông tư	

	kinh nghiệm về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, của các Ban của Hội đồng nhân dân trong nước	ngiht, phụ cấp lưu trú theo quy định hiện hành còn hỗ trợ thêm <u>150.000 đồng/người/ ngày</u> (các mức chi khác do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định). Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú (kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật)	số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố.
12	Chi tổ chức đoàn trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm về hoạt động Hội đồng nhân dân tại nước ngoài: Theo kế hoạch, đề án cụ thể được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt.		
13	Các chế độ, mức chi phục vụ cho chi tiếp khách trong và ngoài nước của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn thành phố; chế độ công tác phí và tổ chức hội nghị thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi chế độ công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn thành phố.		

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH